

Số: /BNV-CTTN&BDG

V/v hướng dẫn thực hiện 02 nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện khoản 1 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực được giao, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện 02 nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

1. Nội dung tiêu chí 4.1. “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” thuộc Tiêu chí số 4. “Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn”

a) Xã đạt nội dung tiêu chí “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ bằng hoặc cao hơn yêu cầu đối với từng nhóm xã, cụ thể:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥ 27%	≥ 40%	≥ 35%	≥ 27%

b) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ được xác định bằng cách chia số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ cho lực lượng lao động theo công thức sau đây:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)

=

Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ

Lực lượng lao động

x 100%

Trong đó:

- Lực lượng lao động (hay còn gọi là dân số hoạt động kinh tế hiện tại) gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát).

- Người lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp, đã từng theo học và tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên môn kỹ thuật thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đồng thời được cấp một trong các loại bằng hoặc chứng chỉ sau: Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học.

c) Hồ sơ, minh chứng đánh giá đối với nội dung tiêu chí 4.1: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong đó có thể hiện nội dung về tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tại thời điểm xác định xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Nội dung tiêu chí 6.5. “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” thuộc Tiêu chí số 6. “Giảm nghèo và an sinh xã hội”

Xã đạt nội dung tiêu chí “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới” là xã tại thời điểm xét công nhận nông thôn mới đạt các chỉ tiêu sau:

a) Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Nữ lãnh đạo ở cấp xã bao gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 25% trở lên.

Hồ sơ minh chứng: Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã trong đó có thông tin các quyết định của cấp có thẩm quyền minh chứng về việc: 1) Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã; 2) Có tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã.

b) Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia. Phương pháp tính thực hiện theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phụ nữ tham gia} \\ \text{mô hình phát triển} \\ \text{kinh tế ở nông thôn} \\ \text{(\%)} \end{array} = \frac{\text{Tổng số phụ nữ tham gia mô hình} \\ \text{phát triển kinh tế ở nông thôn}}{\text{Tổng số người tham gia mô hình} \\ \text{phát triển kinh tế ở nông thôn}} \times 100\%$$

Hồ sơ minh chứng: Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã trong đó có thông tin cụ thể về sự tham gia của phụ nữ trong từng mô hình phát triển kinh tế ở nông

thôn, cụ thể gồm: tên mô hình, tổng số người tham gia, số phụ nữ tham gia, tỷ lệ phụ nữ tham gia.

c) Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ.

Hồ sơ minh chứng: Kế hoạch thực hiện công tác truyền thông của xã; Bảng tổng hợp các bài đăng, nội dung bài đăng, thời điểm phát sóng của các tin, bài về bình đẳng giới.

d) Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp (có thể bố trí tại một trong các địa điểm gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, bệnh viện, Trạm Y tế xã hoặc tại nhà người có uy tín trong cộng đồng...).

Hồ sơ minh chứng: Quyết định thành lập nơi tạm lánh của cơ quan có thẩm quyền trong đó nêu đầy đủ các nội dung gồm: 1) Thành phần tham gia vận hành, địa điểm nơi tạm lánh, đầu mối và đường dây liên lạc trong trường hợp khẩn cấp; 2) Nhiệm vụ của nơi tạm lánh gồm: Hỗ trợ tại chỗ cho người bị bạo lực; kết nối, chuyển gửi tới các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm giúp đỡ người bị bạo lực; truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

đ) Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

Hồ sơ minh chứng: Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã khẳng định việc không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn trên địa bàn xã.

Lưu ý: Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung tại mục a, b, đ nêu trên có thể được tổng hợp chung trong 01 báo cáo, nhưng phải đầy đủ các thông tin.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc thực hiện 02 nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để tổng hợp);
- Văn phòng điều phối NTMTW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà;
- BNV: Cục Việc làm, Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, Vụ CTTN&BDG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hà